

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2025/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 03 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 26 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 64/2024/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức chi hỗ trợ hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số 28/BC-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai, thực hiện các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, gồm: Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh (Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật); các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng mô hình sản xuất sạch hơn; tổ chức, cá nhân trong tỉnh tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 2. Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện


1. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành.
2. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 26 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 03 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2024. /

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Công Thương, Tài chính;
- Vụ Pháp chế Bộ Công Thương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục
Quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

*(Kèm theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn, bao gồm: Hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp	07 triệu đồng/doanh nghiệp
2	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật	
a	Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: Xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 700 triệu đồng/mô hình
b	Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: Hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình
3	Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm các chi phí: Thay thế nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình
4	Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	
a	Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 210 triệu đồng/cơ sở
b	Chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 315 triệu đồng/cơ sở
5	Chi hỗ trợ tổ chức/tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước	
a	Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm các chi phí: Chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Hỗ trợ 100%
b	Chi hỗ trợ giá thuê gian hàng cho cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm khác trong nước	Hỗ trợ 80%

STT	Nội dung chi	Mức chi
6	Chi hỗ trợ chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài	Hỗ trợ 100%
7	Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	
a	Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Tối đa 100 triệu đồng/lần
b	Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, kỷ niệm chương và tiền thưởng	Không quá 04 triệu đồng/sản phẩm
8	Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn	Hỗ trợ tối đa không quá 25 triệu đồng/nhãn hiệu
9	Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở
10	Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh, xuất bản các bản tin âm phẩm, tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác	Theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt
11	Chi hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội
12	Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại cơ sở công nghiệp nông thôn	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 210 triệu đồng/cơ sở
13	Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 1.050 triệu đồng/cụm công nghiệp
14	Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp	Hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/cụm công nghiệp.
15	Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp	Hỗ trợ không quá 3.000 triệu đồng/cụm công nghiệp
16	Chi thù lao cho Cộng tác viên khuyến công	Tối đa không quá 1,0 lần mức lương cơ sở/người/tháng
17	Chi hỗ trợ các phòng trưng bày để giới thiệu, quảng bá sản phẩm	
a	Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày cho đơn vị chức năng của tỉnh thực hiện nhiệm vụ khuyến công, xúc tiến thương mại	Hỗ trợ tối đa không quá 350 triệu đồng/phòng trưng bày

STT	Nội dung chi	Mức chi
b	Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày cho cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực, quốc gia	Hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/phòng trưng bày
c	Chi phí mua sắm ban đầu trang thiết bị, dụng cụ quản lý dùng để trưng bày cho cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/phòng trưng bày
18	Chi quản lý chương trình đề án khuyến công	
a	Cơ quan quản lý kinh phí khuyến công được sử dụng chi phí để xây dựng các chương trình, đề án, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, bao gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, đề án khuyến công; chi khác (nếu có)	Được sử dụng tối đa 1,5% kinh phí khuyến công địa phương được giao hàng năm
b	Đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công địa phương được chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có)	Được chi tối đa 4% dự toán đề án khuyến công